

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22 /CBTT-TNS

BRVT, ngày 21 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ Phần Thép Tấm Lá Thống Nhất thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TNS
- Địa chỉ: KCN Phú Mỹ I, P. Phú Mỹ, TX Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02543.923.636/7/8. Fax: 02543.923.889
- Email: tnsteel@tnsteel.vn Website: tnsteel.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/03/2024 tại đường dẫn: dẫn <http://tnsteel.vn/shareholder.php>

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

Tổng Giám Đốc

Tài liệu đính kèm:

- BCTC

- Văn bản giải trình ý kiến ngoại trừ, giải trình điều chỉnh dữ liệu 2023, giải trình chênh lệch Inst.



Tô Ngọc Huy



Số: 18 /TNS-TCKT
“V/v: giải trình về việc điều chỉnh
dữ liệu đầu năm 2023”

Phủ Mỹ, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công Ty CP Thép Tâm Lá Thống Nhất (TNS) đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Công ty Cổ phần Thép tâm lá Thống Nhất (TNS) xin giải trình về việc điều chỉnh dữ liệu đầu năm 2023 trên bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh như sau:

- Nhằm phản ánh đúng kết quả kinh doanh cũng như đưa cổ phiếu công ty ra khỏi diện hạn chế giao dịch ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Theo đó, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm 2022 được điều chỉnh như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước/kỳ trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
a) Bảng cân đối kế toán					
Chi phí trả trước dài hạn	261	34.333.373.662	25.888.339.605	(8.445.034.057)	(1)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	60.522.098.795	61.206.705.795	684.607.000	(2)
Vốn chủ sở hữu	410	36.036.929.996	27.042.497.687	(8.994.432.309)	(1)(2)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(164.727.509.748)	(173.721.942.057)	(8.994.432.309)	(1)(2)
b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	602.199.311.279	610.644.345.336	8.445.034.057	(1)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	22.433.369.816	13.988.335.759	(8.445.034.057)	(1)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.549.109.739	(6.895.924.318)	(8.445.034.057)	(1)
Thu nhập khác	31	789.084.740	104.477.740	(684.607.000)	(2)



Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	764.791.474	629.582.726	(135.208.748)	(3)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	262.863.214	(8.731.569.095)	(8.994.432.309)	(1)(2) (3)

- (1) Ban Tổng giám đốc thực hiện điều chỉnh hồi tố việc đánh giá lại giá trị của một số công cụ dụng cụ là trực cán thép đã phân bổ hết giá trị với tổng số tiền là 8,4 tỷ VND.
- (2) Ban Tổng giám đốc điều chỉnh giảm phần lợi nhuận đã ghi nhận doanh thu năm 2022 đối với khoản công nợ phải trả cho Công ty TNHH Việt Nam Osaka Fuji với số tiền 684 triệu VND.
- (3) Điều chỉnh ảnh hưởng của thuế.


Trên đây là giải trình của TNS về việc điều chỉnh dữ liệu đầu năm 2023.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.


Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Chữ ký, đóng dấu)



Tô Ngọc Huy



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP
TẮM LÁ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19 /TNS-TCKT
“V/v: giải trình chênh lệch LNST
trên 10% BCKQHĐKD 2023 đã
kiểm toán so với cùng kỳ và
chuyển từ lỗ kỳ trước sang lãi kỳ
này”

Phú Mỹ, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công Ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất (TNS) đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (TNS) xin giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên 10% Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 so với năm 2022 và chuyển từ lỗ năm 2022 sang lãi năm 2023 là do các nguyên nhân sau:

- Thị trường thép cán nguội năm 2023 tuy vẫn còn nhiều khó khăn, diễn biến khó lường nhưng với nỗ lực tìm kiếm khách hàng cũng như nguồn hàng có giá cả hợp lý nhờ đó sản lượng sản xuất năm 2023 tăng 37,35% và sản lượng tiêu thụ tăng 36,63% kéo theo doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 tăng 483 tỷ tương đương tăng 77,37% so với cùng kỳ.
- Bên cạnh đó, chi phí lãi vay năm 2023 được giảm do công ty đã đạt mức thanh toán như cam kết với bên phía Vietcredit.

Với các nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến LNST năm 2023 của TNS tăng hơn 10% so với cùng kỳ và chuyển từ lỗ kỳ trước sang lãi kỳ này.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.



Tô Ngọc Huy

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP
TẮM LÁ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20 /TNS-TCKT

Phú Mỹ, ngày 21 tháng 03 năm 2024

“V/v: giải trình chênh lệch
LNST BCTC năm 2023 trước
và sau kiểm toán từ 5% trở
lên.”

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công Ty CP Thép Tắm Lá Thống Nhất (TNS) đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

TNS xin giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên như sau:

- Kiểm toán điều chỉnh giảm các khoản chi phí trích trước năm 2023 đồng thời phát sinh tăng thêm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng 986 triệu đồng tương đương 35% so với trước kiểm toán.

Trên đây là giải trình của TNS về báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
(Chữ ký, đóng dấu)

Tô Ngọc Huy

Số: 21 /TNS-TCKT
V/v: giải trình ý kiến kiểm toán
ngoại trừ BCTC năm 2023

Phú Mỹ, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công Ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất (TNS) đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

TNS xin giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán liên quan đến việc chi phí lãi bảo lãnh của Tổng Công Ty Thép Việt Nam- CTCP (VNS), chi phí lãi chậm trả mua hàng của công ty TNHH MTV Thép Tấm Lá Phú Mỹ (PFS), các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2023:

- Do tình hình tài chính khó khăn nên TNS đã làm việc với VNS và PFS về kế hoạch trả nợ và việc không tính lãi cho khoản dư nợ vào BCTC năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 và năm 2023.

- Về các khoản vay đến hạn trả sẽ phải thanh toán trước thời điểm 31/12/2023: do tình hình tài chính của TNS vẫn rất khó khăn, TNS đã nhiều lần làm công văn gửi các đơn vị khoan nợ, giảm lãi suất, giãn thời gian trả nợ. TNS vẫn đang cố gắng duy trì thực hiện trả nợ đúng kế hoạch.

- Các vấn đề khác:

Trong báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán, Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các vấn đề như:

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel.

2. Các dấu hiệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Các vấn đề khác nêu trên, TNS đã giải trình trong các báo cáo trước đây vì đây là các vấn đề mà kiểm toán chỉ nhắc lại.

Trên đây là giải trình của TNS về báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Trân trọng cảm ơn ./.



Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, đóng dấu)

Tô Ngọc Huy



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-35

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 14 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên	
Ông Lê Việt	Thành viên	
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	
Ông Lại Văn Quyền	Thành viên	
Ông Tô Ngọc Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/04/2023
Ông Nguyễn Huy Thọ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tô Ngọc Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/04/2023
Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/04/2023
Ông Bùi Vĩnh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tô Ngọc Huy
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Số: 210324.003/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được lập ngày 20 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel với số tiền lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 54,51 tỷ VND (giá trị lũy kế đến ngày 01/01/2023 là 50,11 tỷ VND). Trong đó chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2023 Công ty đang ghi nhận tăng khoản phải thu và phải trả khác với số tiền 4,4 tỷ VND. Điều này dẫn đến trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, chỉ tiêu "Các khoản phải trả ngắn hạn" đang phản ánh thiếu số tiền 50,11 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 50,11 tỷ VND); chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang phản ánh thừa số tiền 54,51 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 50,11 tỷ VND) và chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" đang phản ánh thừa số tiền 4,4 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 và năm 2022, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" đang phản ánh thừa số tiền lần lượt là 4,4 tỷ VND và 1,57 tỷ VND.

2. Tại ngày 31/12/2023, tổng số nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 218,73 tỷ VND (tại 01/01/2023 là 209,67 tỷ VND), nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 146,5 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 151,71 tỷ VND), khả năng thanh toán nhanh là 0,18 (tại ngày 01/01/2023 là 0,11), lỗ lũy kế là 169,94 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 173,72 tỷ VND), nợ phải trả gấp 11,94 lần vốn chủ sở hữu (tại ngày 01/01/2023 là 11,39 lần). Công ty chưa đạt được thỏa thuận mới đáng kể nào về việc giãn nợ. Do đó, Công ty sẽ chưa thể thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong điều kiện hoạt động như hiện tại. Các dấu hiệu trên cùng với các vấn đề nêu tại Thuyết minh 1 (Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính) cho thấy sự tồn tại của yếu tố dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 34 - Số liệu so sánh, theo đó, Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố một số nội dung sau:

- Điều chỉnh hồi tố việc ghi giảm giá trị một số công cụ dụng cụ là trực cán thép đã đánh giá tăng chưa có cơ sở trong năm trước với tổng số tiền là 8,4 tỷ VND.
- Điều chỉnh giảm doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa đủ cơ sở năm ngoài đối với khoản công nợ phải trả cho Công ty TNHH Việt Nam Osaka Fuji với số tiền 684 triệu VND.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Đặng Huy Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4461-2023-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		163.572.103.860	87.552.237.509
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.713.496.378	23.975.732.026
111	1. Tiền		8.713.496.378	1.783.650.600
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	22.192.081.426
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		45.950.319.161	1.702.929.157
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	38.674.460.393	385.955.890
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.748.536.200	271.419.770
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	5.527.322.568	1.045.553.497
140	IV. Hàng tồn kho	7	106.389.518.038	60.195.662.927
141	1. Hàng tồn kho		106.389.518.038	60.195.662.927
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.518.770.283	1.677.913.399
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.194.693.029	519.518.340
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.324.077.254	235.643.823
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	922.751.236
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		235.150.560.033	247.582.555.264
220	II. Tài sản cố định		198.873.266.047	221.694.215.659
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	198.873.266.047	221.694.215.659
222	- Nguyên giá		545.623.949.745	543.529.900.407
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(346.750.683.698)	(321.835.684.748)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	525.044.459	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		525.044.459	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		35.752.249.527	25.888.339.605
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		35.752.249.527	25.888.339.605
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		398.722.663.893	335.134.792.773

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		367.901.845.428	308.092.295.086
310	I. Nợ ngắn hạn		310.071.355.462	239.261.805.120
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	91.616.820.515	61.206.705.795
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		48.203.892.826	233.756.952
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	83.332.681	-
314	4. Phải trả người lao động		724.375.082	1.164.747.398
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.555.822.630	21.529.531.785
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	117.657.026.678	91.200.328.260
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	50.120.635.883	63.817.285.763
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		109.449.167	109.449.167
330	II. Nợ dài hạn		57.830.489.966	68.830.489.966
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	57.830.489.966	68.830.489.966
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		30.820.818.465	27.042.497.687
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	30.820.818.465	27.042.497.687
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		764.439.744	764.439.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(169.943.621.279)	(173.721.942.057)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(173.721.942.057)	(164.990.372.962)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		3.778.320.778	(8.731.569.095)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		398.722.663.893	335.134.792.773

Đỗ Thị Thu Phương
Người lập

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Tô Ngọc Huy
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.108.254.310.600	624.702.679.255
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	363.389.669	69.998.160
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.107.890.920.931	624.632.681.095
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.088.710.664.747	610.644.345.336
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.180.256.184	13.988.335.759
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	171.289.262	498.293.964
22	7. Chi phí tài chính	23	2.281.815.398	11.406.090.868
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		577.615.310	8.952.654.624
25	8. Chi phí bán hàng	24	2.497.756.942	1.415.834.317
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.199.556.282	8.560.628.856
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.372.416.824	(6.895.924.318)
31	11. Thu nhập khác	26	2.491.923.703	104.477.740
32	12. Chi phí khác	27	3.238.397.436	1.310.539.791
40	13. Lợi nhuận khác		(746.473.733)	(1.206.062.051)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.625.943.091	(8.101.986.369)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	847.622.313	629.582.726
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.778.320.778	(8.731.569.095)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	189	(437)

Đỗ Thị Thu Phương
Người lậpTrần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởngTô Ngọc Huy
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.625.943.091	(8.101.986.369)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		24.914.998.950	25.228.147.772
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.701.375.833	2.440.724.162
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(154.841.575)	(483.663.969)
06	- Chi phí lãi vay		577.615.310	8.952.654.624
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.665.091.609	28.035.876.220
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(45.214.333.427)	6.965.282.738
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(46.193.855.111)	11.619.245.215
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		105.374.961.003	(32.234.197.660)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(10.539.084.611)	(5.961.438.653)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.890.810.375)	(3.835.334.097)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(4.896.304.235)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(5.400.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.201.969.088	(312.270.472)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.619.093.797)	(153.209.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		154.841.575	483.663.969
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.464.252.222)	330.454.969
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(26.000.022.920)	(7.600.002.640)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.000.022.920)	(7.600.002.640)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(15.262.306.054)	(7.581.818.143)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		23.975.732.026	31.557.424.846
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		70.406	125.323
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>8.713.496.378</u>	<u>23.975.732.026</u>

Đỗ Thị Thu Phương
Người lập

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Tô Ngọc Huy
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 03 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 14 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 200.000.000.000 VND; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 86 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 90 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2023, tổng số nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 218,73 tỷ VND (tại 01/01/2023 là 209,67 tỷ VND), nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 146,5 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 151,71 tỷ VND), khả năng thanh toán nhanh là 0,18 (tại ngày 01/01/2023 là 0,11), lỗ lũy kế là 169,94 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 173,72 tỷ VND), nợ phải trả gấp 11,94 lần vốn chủ sở hữu (tại ngày 01/01/2023 là 11,39 lần). Công ty chưa đạt được thỏa thuận mới đáng kể nào về việc giãn nợ. Do đó, Công ty sẽ chưa thể thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong điều kiện hoạt động như hiện tại. Tuy nhiên, các khoản nợ vay với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty Thép Việt Nam được trả dần trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí trực cán thép thực hiện phân bổ theo tiêu thức tiêu hao bán kính trục sử dụng thực tế trong năm so với tổng bán kính trục sử dụng hiệu quả;
- Chi phí sửa chữa lớn và chi phí sửa chữa trực cán, chi phí công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các loại chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tiền điện ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm là giảm giá hàng bán.

Giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	16.919.948	423.294.423
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.696.576.430	1.360.356.177
Các khoản tương đương tiền	-	22.192.081.426
	<u><u>8.713.496.378</u></u>	<u><u>23.975.732.026</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Kim khí Nam Hung	-	-	311.321.835	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Tôn Tân Phước Khanh (*)	34.512.895.238	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Tây Nam	2.267.295.525	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	1.894.269.630	-	74.634.055	-
	38.674.460.393	-	385.955.890	-

(*) Công nợ phải thu tiền hàng Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Tôn Tân Phương Khanh theo Hợp đồng mua bán số số 022023/HĐNT-CRC/TNS-TPK ngày 9/5/2023 về việc cung cấp sản phẩm Thép cuộn cán nguội SPCC-1B L1, giá trị công nợ tương ứng với khối lượng hàng đã bán ra là 2.227 tấn tại thời điểm cuối tháng 12.

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Kỹ thuật Động lực Servo	106.277.270	-	176.704.770	-
Công ty Cổ phần Phần mềm Rosy	490.900.000	-	-	-
Chi nhánh Hải phòng - Công ty TNHH Industrielle Beteiligung	827.195.490	-	-	-
Trả trước khác	324.163.440	-	94.715.000	-
	1.748.536.200	-	271.419.770	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	41.029.315	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	3.814.925	-	3.814.925	-
Tạm ứng	139.159.999	-	72.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	925.765.578	-	871.719.000	-
Phải trả lãi chưa ghi nhận chi phí	4.402.486.613	-	-	-
Phải thu khác	56.095.453	-	56.990.257	-
	5.527.322.568	-	1.045.553.497	-
b) Chi tiết theo đối tượng				
Tổng Công ty Điện lực miền Nam - TNHH	925.765.578	-	871.719.000	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	3.191.750.021	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thép Tâm lá Phú Mỹ - Vnsteel	1.210.736.592	-	-	-
Phải thu đối tượng khác	199.070.377	-	173.834.497	-
	5.527.322.568	-	1.045.553.497	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	3.191.750.021	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thép Tâm lá Phú Mỹ - Vnsteel	1.210.736.592	-	-	-
	4.402.486.613	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	101.157.627.397	-	60.147.675.591	-
Công cụ, dụng cụ	43.253.756	-	47.987.336	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.778.038.883	-	-	-
Thành phẩm	3.410.598.002	-	-	-
	106.389.518.038	-	60.195.662.927	-

8 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Sửa chữa nhà xưởng	525.044.459	-
	525.044.459	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	75.282.501.594	446.638.142.360	19.925.625.063	1.683.631.390	543.529.900.407
- Mua trong năm	404.373.000	1.480.008.338	-	209.668.000	2.094.049.338
Số dư cuối năm	75.686.874.594	448.118.150.698	19.925.625.063	1.893.299.390	545.623.949.745
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	24.966.117.138	275.662.316.443	19.925.625.063	1.281.626.104	321.835.684.748
- Khấu hao trong năm	1.946.574.015	22.838.190.445	-	130.234.490	24.914.998.950
Số dư cuối năm	26.912.691.153	298.500.506.888	19.925.625.063	1.411.860.594	346.750.683.698
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	50.316.384.456	170.975.825.917	-	402.005.286	221.694.215.659
Tại ngày cuối năm	48.774.183.441	149.617.643.810	-	481.438.796	198.873.266.047

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 194.826.656.314 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 38.788.473.950 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	31/12/2023		01/01/2023 (Đã điều chỉnh)	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn				
Chi phí sửa chữa	-		519.518.340	
Công cụ dụng cụ ngắn hạn	981.338.009		-	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	213.355.020		-	
	1.194.693.029		519.518.340	
b) Dài hạn				
Công cụ, dụng cụ	16.987.517.737		12.553.558.861	
Trục cán thép và phụ tùng trục cán	17.803.668.568		13.334.780.744	
Chi phí sửa chữa	961.063.222		-	
	35.752.249.527		25.888.339.605	

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	51.112.488.282	51.112.488.282	54.789.483.975	54.789.483.975
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	36.253.672.833	36.253.672.833	39.653.673.636	39.653.673.636
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	14.858.815.449	14.858.815.449	15.135.810.339	15.135.810.339
Bên khác	40.504.332.233	40.504.332.233	6.417.221.820	6.417.221.820
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Tôn Tân Phước Khanh (*) Người bán khác	32.097.604.000	32.097.604.000	-	-
	8.406.728.233	8.406.728.233	6.417.221.820	6.417.221.820
	91.616.820.515	91.616.820.515	61.206.705.795	61.206.705.795
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	36.253.672.833	36.253.672.833	39.653.673.636	39.653.673.636
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	14.858.815.449	14.858.815.449	15.135.810.339	15.135.810.339
	51.112.488.282	51.112.488.282	54.789.483.975	54.789.483.975

(*) Công nợ phải trả người bán Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Tôn Tân Phước Khanh theo Hợp đồng mua bán số 022023/HĐNT-HRC/TPK-TNS/PL5 ngày 11/12/2023 về việc cung cấp nguyên liệu Thép cuộn cán nóng. Giá trị công nợ tương ứng với lượng hàng giao cuối quý IV/2023 là 2.293 tấn, đơn giá 14.000.000 VND/tấn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty Tôn Phương Nam (*)	47.079.432.443	-
<i>Bên khác</i>	47.079.432.443	-
Người mua khác	1.124.460.383	233.756.952
	1.124.460.383	233.756.952
	48.203.892.826	233.756.952

(*) Khoản nhận ứng trước tiền hàng của Công ty Tôn Phương Nam theo Hợp đồng mua bán số số 17112023/HĐMB-20/TNS-TPN ngày 17/11/2023 về việc cung cấp sản phẩm Thép cuộn cán nguội SPCC-IB L1 với tổng số lượng là 5.216,980 tấn với đơn giá bình quân 15,5 triệu đồng/tấn.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	(Đã điều chỉnh)		năm		năm		năm		năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.302.394.819	-	1.302.394.819	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	801.261.228	-	847.622.313	-	-	-	-	-	46.361.085	-
Thuế Thu nhập cá nhân	121.490.008	-	262.058.005	-	103.596.401	-	-	-	36.971.596	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	59.200.000	-	59.200.000	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6.500.000	-	6.500.000	-	-	-	-	-
	922.751.236	-	2.477.775.137	-	1.471.691.220	-	-	-	83.332.681	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	21.252.987.885
- Trích trước chi phí tiền điện	1.309.945.800	120.543.900
- Chi phí phải trả khác	245.876.830	156.000.000
	1.555.822.630	21.529.531.785

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	16.824.888	12.781.481
- Bảo hiểm xã hội	19.455.084	-
- Bảo hiểm y tế	1.955.723	1.955.723
- Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	37.955.349.927	16.982.253.482
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.987.979.316	16.048.186.496
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	29.060.102.356	24.752.565.206
- Lãi chậm trả công nợ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10.777.915.506	10.777.915.506
- Lãi chậm trả công nợ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Lãi chậm trả công nợ Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.558.319.033	12.347.582.441
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	120.249.032	118.212.112
	<u>117.657.026.678</u>	<u>91.200.328.260</u>
a2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	37.955.349.927	16.982.253.482
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.987.979.316	16.048.186.496
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	39.838.017.862	35.530.480.712
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.558.319.033	12.347.582.441
- Đối tượng khác	158.484.727	132.949.316
	<u>117.657.026.678</u>	<u>91.200.328.260</u>
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả lãi vay	83.003.431.599	57.783.005.184
- Lãi chậm trả công nợ	34.495.110.352	33.284.373.760
	<u>117.498.541.951</u>	<u>91.067.378.944</u>
d) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	39.838.017.862	35.530.480.712
- Công ty Cổ phần Kim khí Tp.Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.558.319.033	12.347.582.441
	<u>63.555.212.708</u>	<u>58.036.938.966</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16 . VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	63.817.285.763	63.817.285.763	1.303.373.040	15.000.022.920	50.120.635.883	50.120.635.883
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) ⁽¹⁾	63.817.285.763	63.817.285.763	1.303.373.040	15.000.022.920	50.120.635.883	50.120.635.883
	63.817.285.763	63.817.285.763	1.303.373.040	15.000.022.920	50.120.635.883	50.120.635.883
b) Vay dài hạn						
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) ⁽¹⁾	63.817.285.763	63.817.285.763	1.303.373.040	15.000.022.920	50.120.635.883	50.120.635.883
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP ⁽²⁾	68.830.489.966	68.830.489.966	-	11.000.000.000	57.830.489.966	57.830.489.966
	132.647.775.729	132.647.775.729	1.303.373.040	26.000.022.920	107.951.125.849	107.951.125.849
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(63.817.285.763)	(63.817.285.763)	(1.303.373.040)	(15.000.022.920)	(50.120.635.883)	(50.120.635.883)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	68.830.489.966	68.830.489.966			57.830.489.966	57.830.489.966

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:

(a) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.583.251 USD, tương đương với 38.662.989.420 VND; toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(b) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu tư dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng Vietcombank và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 11.457.646.463 VND, toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(2) Khoản vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là 57.830.489.966 VND. Khoản vay phải trả không xác định rõ thời điểm trả gốc vay. Tuy nhiên Công ty đã có những trao đổi với Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP về việc giãn thời hạn trả nợ từ 3 đến 5 năm.

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	50.120.635.883	37.955.349.927	63.817.285.763	16.982.253.482
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	-	29.060.102.356	-	24.752.565.206
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	15.987.979.316	-	16.048.186.496
	50.120.635.883	83.003.431.599	63.817.285.763	57.783.005.184

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

d) Các khoản vay với các bên liên quan

	31/12/2023		01/01/2023	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (*)	57.830.489.966	29.060.102.356	68.830.489.966	24.752.565.206
	<u>57.830.489.966</u>	<u>29.060.102.356</u>	<u>68.830.489.966</u>	<u>24.752.565.206</u>

(*) Cổ đông lớn

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối (Đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	769.839.744	(164.990.372.962)	35.779.466.782
Lỗi năm trước	-	-	(8.731.569.095)	(8.731.569.095)
Giảm khác	-	(5.400.000)	-	(5.400.000)
Số dư cuối năm trước	<u>200.000.000.000</u>	<u>764.439.744</u>	<u>(173.721.942.057)</u>	<u>27.042.497.687</u>
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	764.439.744	(173.721.942.057)	27.042.497.687
Lãi năm nay	-	-	3.778.320.778	3.778.320.778
Số dư cuối năm nay	<u>200.000.000.000</u>	<u>764.439.744</u>	<u>(169.943.621.279)</u>	<u>30.820.818.465</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	31,25	62.494.810.000	31,25	62.494.810.000
Công ty Tôn Phương Nam	5,00	10.000.000.000	5,00	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	7,00	14.000.000.000	7,00	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	7,00	14.000.000.000	7,00	14.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	6,00	11.999.090.000	6,00	11.999.090.000
Cổ đông khác	43,75	87.506.100.000	43,75	87.506.100.000
	<u>100</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>200.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

d) Cổ phiếu		
	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	764.439.744	764.439.744
	<u>764.439.744</u>	<u>764.439.744</u>
18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
a) Tài sản thuê ngoài		
Công ty có hợp đồng thuê đất số 10/HĐ/TLĐ/IZICO ngày 20/03/2008 và phụ lục hợp đồng số 86/PLHĐ/TLĐ/IZICO ngày 01/04/2013 ký với Công ty Đầu Tư và Khai Thác Hạ Tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ I để thuê đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng và nhà xưởng. Diện tích khu đất thuê là 22.400 m ² , thời hạn thuê là 40 năm từ ngày 01/01/2008 đến ngày 01/01/2048. Số tiền phải trả về tiền thuê đất và tiền duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng là 36.960 USD/năm.		
b) Ngoại tệ các loại		
	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	201,16	201,16
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.014.645.654.875	515.119.850.254
Doanh thu bán phế liệu	30.314.441.431	29.498.534.864
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	61.880.164.294	79.891.794.137
Doanh thu dịch vụ cho thuê kho	1.414.050.000	192.500.000
	<u>1.108.254.310.600</u>	<u>624.702.679.255</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<u>721.322.284.190</u>	<u>313.858.058.105</u>
20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	363.389.669	69.998.160
	<u>363.389.669</u>	<u>69.998.160</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.008.871.421.024	518.689.776.965
Giá vốn bán phế liệu	27.981.939.858	27.748.812.513
Giá vốn của dịch vụ gia công	51.857.303.865	64.205.755.858
	<u>1.088.710.664.747</u>	<u>610.644.345.336</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>	<u>60.644.366.735</u>	<u>35.185.775.069</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	154.841.575	483.663.969
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	16.447.687	14.629.995
	<u>171.289.262</u>	<u>498.293.964</u>

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	577.615.310	8.952.654.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.824.255	12.712.082
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.701.375.833	2.440.724.162
	<u>2.281.815.398</u>	<u>11.406.090.868</u>

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.038.430	3.417.100
Chi phí nhân công	2.427.213.157	1.397.106.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.106.855	15.310.224
Chi phí khác bằng tiền	50.398.500	-
	<u>2.497.756.942</u>	<u>1.415.834.317</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	318.800.086	320.790.922
Chi phí nhân công	5.171.608.586	3.655.889.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.978.874	120.757.193
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.440.443.365	1.879.042.892
Chi phí khác bằng tiền	2.148.725.371	2.579.148.079
	9.199.556.282	8.560.628.856

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tiền bán phế phẩm	2.167.216.000	32.374.800
Tiền bồi thường bảo hiểm	-	10.728.000
Xử lý xóa nợ theo biên bản cản trừ công nợ	324.703.500	-
Thu nhập khác	4.203	61.374.940
	2.491.923.703	104.477.740

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu nộp thuế	20.133.747	146.043.822
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	246.000.000	301.500.000
Chi phí trong giai đoạn dừng sản xuất	2.589.494.859	-
Chi phí không đủ hóa đơn chứng từ	382.768.830	862.995.969
	3.238.397.436	1.310.539.791

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.625.943.091	(8.101.986.369)
Các khoản điều chỉnh tăng	3.261.541.007	1.009.039.791
- Chi phí không hợp lệ	3.261.541.007	1.009.039.791
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.649.372.534)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(3.324.669.034)	-
- Các khoản đã được tính vào thu nhập tính thuế năm trước	(324.703.500)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.238.111.564	(7.092.946.578)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	847.622.313	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	629.582.726
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(801.261.228)	3.465.460.281
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(4.896.304.235)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	46.361.085	(801.261.228)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.778.320.778	(8.731.569.095)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.778.320.778	(8.731.569.095)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>189</u>	<u>(437)</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.022.186.507.206	463.856.438.275
Chi phí nhân công	17.001.958.882	15.654.834.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.397.568.462	25.228.147.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.470.033.320	54.990.124.039
Chi phí khác bằng tiền	12.540.546.986	3.015.516.440
	<u>1.105.596.614.856</u>	<u>562.745.060.605</u>

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.696.576.430	-	-	8.696.576.430
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.201.782.961	-	-	44.201.782.961
	<u><u>52.898.359.391</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>52.898.359.391</u></u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.552.437.603	-	-	23.552.437.603
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.431.509.387	-	-	1.431.509.387
	<u><u>24.983.946.990</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>24.983.946.990</u></u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	50.120.635.883	57.830.489.966	-	107.951.125.849
Phải trả người bán, phải trả khác	209.273.847.193	-	-	209.273.847.193
Chi phí phải trả	1.555.822.630	-	-	1.555.822.630
	260.950.305.706	57.830.489.966	-	318.780.795.672
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	63.817.285.763	68.830.489.966	-	132.647.775.729
Phải trả người bán, phải trả khác	152.407.034.055	-	-	152.407.034.055
Chi phí phải trả	21.529.531.785	-	-	21.529.531.785
	237.753.851.603	68.830.489.966	-	306.584.341.569

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Là công ty có 100% vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
Công ty Tôn Phương Nam	(i)
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	(ii)

(i) Ông Lê Việt - Ủy viên HĐQT Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam.

(ii) Ông Lại Văn Quyền - Ủy viên HĐQT Công ty đồng thời là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	721.322.284.190	313.858.058.105
Công ty Tôn Phương Nam	720.304.510.525	295.609.781.790
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	1.017.773.665	18.248.276.315
Mua hàng	60.644.366.735	35.185.775.069
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	60.644.366.735	35.185.775.069

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	36.450.000	48.600.000
Ông Lê Việt	Thành viên HĐQT	24.300.000	32.400.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	27.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên HĐQT	24.300.000	32.400.000
Ông Lại Văn Quyền	Thành viên HĐQT	24.300.000	32.400.000
Ông Tô Ngọc Huy	Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 11/04/2023)	348.373.303	-
Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 11/04/2023)	160.593.785	465.100.111
Ông Bùi Vĩnh Hào	Phó Tổng giám đốc	406.762.241	441.127.759
Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng BKS	234.716.216	94.170.230
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên BKS	18.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên BKS	16.200.000	21.600.000
Ông Nguyễn Trường Hải	Thư ký HĐQT/ Chuyên viên	228.289.967	181.267.520

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
a) Bảng Cân đối kế toán					
Chi phí trả trước dài hạn	261	34.333.373.662	25.888.339.605	(8.445.034.057)	(1)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	60.522.098.795	61.206.705.795	684.607.000	(2)
Vốn chủ sở hữu	410	36.036.929.996	27.042.497.687	(8.994.432.309)	(1)(2)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(164.727.509.748)	(173.721.942.057)	(8.994.432.309)	(1)(2)
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	602.199.311.279	610.644.345.336	8.445.034.057	(1)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	22.433.369.816	13.988.335.759	(8.445.034.057)	(1)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.549.109.739	(6.895.924.318)	(8.445.034.057)	(1)
Thu nhập khác	31	789.084.740	104.477.740	(684.607.000)	(2)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	764.791.474	629.582.726	(135.208.748)	(3)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	262.863.214	(8.731.569.095)	(8.994.432.309)	(1)(2)(3)

- (1) Ban Tổng giám đốc thực hiện điều chỉnh hồi tố việc đánh giá lại giá trị của một số công cụ dụng cụ là trực cán thép đã phân bổ hết giá trị với tổng số tiền là 8,4 tỷ VND;
- (2) Ban Tổng giám đốc điều chỉnh giảm phần lợi nhuận đã ghi nhận doanh thu năm 2022 đối với khoản công nợ phải trả cho Công ty TNHH Việt Nam Osaka Fuji với số tiền 684 triệu VND;
- (3) Điều chỉnh ảnh hưởng của thuế.



Đỗ Thị Thu Phương
Người lập

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Tô Ngọc Huy
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 03 năm 2024